UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3861 /QĐ-SXD

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh một số nội dung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù và các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 5127/QĐ-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3860 /QĐ-SXD ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Xây dựng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng *(theo các biểu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Xây dựng, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Các phòng thuộc Sở Xây dựng;
- Cổng thông tin điện tử SXD;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH NINH THUẬN

Lê Phạm Quốc Vinh

Biểu số 1

Đơn vị: Sở Xây dựng Ninh Thuận.
Chương: 419.

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ XÂY DỰNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3861 /QĐ-SXD ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao và phân bổ đầu năm	Tổng số được điều chỉnh		Tổng số được giao và phân bổ sau khi được điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6 = 3 + 4 - 5
	DỰ TOÁN CHI NSNN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH	**6.358.760.000**	**88.359.000**	**88.359.000**	**6.358.760.000**
A	**VĂN PHÒNG SỞ XÂY DỰNG**	**4.384.060.000**	**88.359.000**		**4.472.419.000**
I	**Chi quản lý hành chính**	**4.384.060.000**	**88.359.000**		**4.472.419.000**
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.384.060.000	88.359.000		4.472.419.000
B	**THANH TRA SỞ XÂY DỰNG**	**1.974.700.000**		**88.359.000**	**1.886.341.000**
I	**Chi quản lý hành chính**	**1.974.700.000**		**88.359.000**	**1.886.341.000**
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.974.700.000		88.359.000	1.886.341.000

Biểu số 2

Đơn vị: Văn phòng Sở Xây dựng Ninh Thuận.
Chương: 419.

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3861 /QĐ-SXD ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao và phân bổ đầu năm	Tổng số được điều chỉnh		Tổng số được giao và phân bổ sau khi được điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6 = 3 + 4 - 5
	DỰ TOÁN CHI NSNN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH	**4.384.060.000**	**88.359.000**		**4.472.419.000**
A	**VĂN PHÒNG SỞ XÂY DỰNG**	**4.384.060.000**	**88.359.000**		**4.472.419.000**
I	**Chi quản lý hành chính**	**4.384.060.000**	**88.359.000**		**4.472.419.000**
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.384.060.000	88.359.000		4.472.419.000